

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06/PHEVA/2025



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH MTV BÁNH KẸO PHEVA

Địa chỉ: Lô số 2, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0906 545 260

E-mail: info@phevaworld.com

Mã số doanh nghiệp: 4001137910

Số giấy chứng nhận ISO 22000:2018 : 9199293433433 - FSMS. Ngày chứng nhận: 15/05/2024.

Ngày hết hạn: 14/05/2027. Nơi cấp: Công ty cổ phần chứng nhận và giám định quốc tế ISOCERT.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sôcôla sữa nhân hạt phi

2. Thành phần: Hạt phi, Đường, Bơ cacao, Sữa bột, Cacao nhão, Chất nhũ hoá (322(i)), Hương vani tự nhiên.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 45 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh 64g hoặc tùy theo yêu cầu khách hàng
- Sản phẩm được bao gói bằng PE, PP. Sau đó được bao gói trong hộp giấy.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH MTV Bánh Kẹo Pheva đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm :

| Stt | Tên chỉ tiêu       | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|--------------------|-------------|------------|
| 1   | Aflatoxin B1       | µg/kg       | 5          |
| 2   | Aflatoxin B1B2G1G2 | µg/kg       | 15         |

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm :

| Stt | Tên chỉ tiêu   | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|----------------|-------------|------------|
| 1   | Chì (Pb)       | mg/kg       | 2,0        |
| 2   | Arsen (As)     | mg/kg       | 1,0        |
| 3   | Cadimi (Cd)    | mg/kg       | 1,0        |
| 4   | Thủy ngân (Hg) | mg/kg       | 0,05       |

7910 - C  
CÔNG TY  
H MTV  
H KEO  
EVA  
ANG N

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định về giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm cho các chỉ tiêu vi sinh vật :

| Stt | Tên chỉ tiêu                 | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|------------------------------|-------------|------------|
| 1   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g       | 50.000     |
| 2   | Tổng số bào tử nấm men - nấm | CFU/g       | 500        |
| 3   | Coliforms                    | CFU/g       | 10         |
| 4   | E. Coli                      | CFU/g       | Không có   |
| 5   | Staphylococcus aureus        | CFU/g       | Không có   |
| 6   | Clostridium perfringens      | CFU/g       | Không có   |
| 7   | Bacillus cereus              | CFU/g       | Không có   |
| 8   | Salmonella                   | CFU/25g     | Không có   |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Nam, ngày 22 tháng 05 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
**NGUYỄN CỬU NAM PHƯƠNG**

Mẫu nhãn sản phẩm



| THÔNG TIN DINH DƯỠNG        |          |
|-----------------------------|----------|
| (NUTRITION INFORMATION)     |          |
| Tên Bq (Per 64g)            | 408 Kcal |
| Năng lượng (Energy)         | 8.4 g    |
| Chất đạm (Protein)          | 17.9 g   |
| Carbohydrate (Carbohydrate) | 33.7 g   |
| Chất béo (Fat)              | 20.4 mg  |
| Natri (Sodium)              |          |

SỮA CHUA SỮA NHẪN MẬT PHỈ  
HAZELNUT MIX CHOCOLATE HEARTS  
THÀNH PHẦN: Hạt phỉ, Đường, Bơ cacao, Sữa bột, Cacao nhão, Chất nhũ hóa (E220), Hương vani tự nhiên.  
INGREDIENTS: Hazelnuts, Sugar, Cocoa butter, Milk powder, Cocoa mass, Emulsifier (E220), Natural vanilla flavor.  
THÔNG TIN CẢM ỨNG: Không chứa chất ngọt nhân tạo, không chứa gluten, không chứa đậu nành, không chứa trứng gà, không chứa sữa. Sản phẩm có thể chứa dấu vết của các loại hạt.  
ALLERGY INFORMATION: contains soy (from emulsifier), milk, and hazelnuts. May contain traces of tree nuts.  
Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.  
Store in a dry and cool place.  
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Ăn trực tiếp.  
KHỐI LƯỢNG TÍNH: 64g  
NET WEIGHT: 64g

Sản xuất tại:  
CÔNG TY TNHH MTV BÁNH KÉO PHEVA  
Lô số 2, KCN Thiên Nam - Diên Ngọc, P.  
Diên Ngọc, TX. Diên Bình, T. Quảng Nam,  
Việt Nam.  
Xuất xứ Việt Nam  
www.pheva-world.com



8/9385131787663

8/9385131787663



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064  
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 209.1-K2 /1158/KT2-HC2

Ngày: 24/3/2025

Trang: 1/2

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: **SÔCÔLA SỮA NHÂN HẠT PHỈ**
- Ký hiệu mẫu: **/**
- Số lượng mẫu: **01**
- Tình trạng mẫu: **Mẫu gồm 38 viên, khoảng 300 g, được chứa trong túi nilon zip**
- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH MTV BÁNH KẸO PHEVA**
- Địa chỉ: **Lô số 2, Đường số 3, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam**
- Ngày nhận mẫu: **10/3/2025**
- Ngày thử nghiệm: **từ ngày: 10/3/2025 đến ngày: 24/3/2025**
- Kết quả thử nghiệm:

| TT | TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH                       | PHƯƠNG PHÁP THỬ              | KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM |
|----|-------------------------------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1  | Hàm lượng Protein g/100g                        | KT2.QT.CH-057                | 13,1               |
| 2  | Hàm lượng Carbohydrate <sup>(*)</sup> g/100g    | KT2.QT.CH-060 <sup>(n)</sup> | 28,0               |
| 3  | Hàm lượng chất béo g/100g                       | KT2.QT.CH-058                | 52,6               |
| 4  | Năng lượng <sup>(**)</sup> Kcal/100g            | KT2.QT.CH-046 <sup>(n)</sup> | 638                |
| 5  | Hàm lượng Đường tổng (tính theo Glucose) g/100g | KT2.QT.CH-055                | 21,7               |
| 6  | Hàm lượng Na mg/100g                            | AOAC 969.23                  | 31,8               |
| 7  | Hàm lượng Pb mg/kg                              | AOAC 999.11                  | < 0,05 (MQL)       |
| 8  | Hàm lượng Cd mg/kg                              | AOAC 999.11                  | < 0,05 (MQL)       |
| 9  | Hàm lượng As mg/kg                              | AOAC 986.15                  | < 0,05 (MQL)       |
| 10 | Hàm lượng Hg mg/kg                              | AOAC 971.21                  | < 0,05 (MQL)       |





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064  
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 209.1-K2 /1158/KT2-HC2

Ngày: 24/3/2025

Trang: 2/2

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

| TT | TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH                                                            | PHƯƠNG PHÁP THỬ   | KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| 11 | Hàm lượng Aflatoxin B1 $\mu\text{g/kg}$                                              | AOAC 991.31       | KPH (MDL = 0,5)    |
| 12 | Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) $\mu\text{g/kg}$                           | AOAC 991.31       | KPH (MDL = 1,0)    |
| 13 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí CFU/g                                                   | TCVN 4884-1:2015  | $1,5 \times 10^3$  |
| 14 | Coliform CFU/g                                                                       | TCVN 6848:2007    | KPH (< 10)         |
| 15 | E.coli CFU/g                                                                         | TCVN 7924-2:2008  | KPH (< 10)         |
| 16 | Bacillus cereus giả định CFU/g                                                       | TCVN 4992:2005    | KPH (< 10)         |
| 17 | Staphylococci có phản ứng dương tính với Coagulase (S.aureus và các loài khác) CFU/g | ISO 6888-1:2021   | KPH (< 10)         |
| 18 | Clostridium perfringens CFU/g                                                        | TCVN 4991:2005    | KPH (< 10)         |
| 19 | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc CFU/g                                                | TCVN 8275-2:2010  | KPH (< 10)         |
| 20 | Salmonella spp. -                                                                    | TCVN 10780-1:2017 | Âm tính/ 25 g      |



**Ghi chú:**

- (\*): Hàm lượng Carbohydrat không bao gồm chất xơ;
- (\*\*): Chỉ tiêu Năng lượng được sử dụng kết quả Carbohydrat không bao gồm chất xơ;
- KPH: Không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- (n): Phép thử chưa được công nhận Vilas;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH**

**Võ Thị Bích Thủy**



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Ngô Thị Như Loan**

